TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **La Thanh Hiền**.

2. Ông **Trần Văn Thạch**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Việt** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc T,** sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh **Đoàn Minh H,** sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:***

Chị T và anh H tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên gây ra nợ nần, chị T phải trả nợ cho anh H nhiều lần. Vào tháng 7/2020, chị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng vì muốn cho anh H cơ hội sửa đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện, tuy nhiên anh H

vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Hiện tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là Đoàn Ngọc Hải Đ, sinh ngày 24/6/2015. Cháu Đ đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu Đ và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Đoàn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung, giao cháu Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung, ghi nhận chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Đoàn Minh H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy rằng: Chị T và anh H chung sống hạnh phúc chỉ được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Qua lời trình bày của chị T thì mâu thuẫn chủ yếu giữa anh chị là do anh H không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên thiếu nợ nhiều người và chị T phải trả nợ cho anh H nhiều lần. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Nhận thấy, mục đích hôn nhân của chị T và anh H không đạt được, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là Đoàn Ngọc Hải Đ, sinh ngày 24/6/2015 đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con thành niên.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T thấy rằng: Cháu Đ vẫn còn nhỏ và đang sống ổn định cùng với mẹ. Vì vậy, để tránh làm xáo trộn môi trường sống, sinh hoạt của cháu Đ nên cần giao cháu cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh H không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù, Tòa án không làm việc được với anh H, không biết được thu nhập và khả năng tài chính thực tế của anh nhưng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Đ và đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T đối với anh Đoàn Minh H. Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Đoàn Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Ngọc Hải Đ, sinh ngày 24/6/2015 cho chị Nguyễn Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc anh Đoàn Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Ngọc Hải Đ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/3/2021) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Đoàn Minh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải

trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009166 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

Anh Đoàn Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho chị T, anh H biết có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu